

PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT TỪ VỰNG TRONG VĂN BẢN

“*THƯ GỬI CHO HỌC SINH*” CỦA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG THỊ BÍCH HẠNH
(Cao đẳng Sư phạm Hải Dương)

1. Đặt vấn đề

Văn bản là một chỉnh thể, nó không phải là phép cộng đơn thuần của các câu. Giữa các câu trong văn bản có những sợi dây liên hệ chặt chẽ, tạo nên tính mạch lạc và tính liên kết của văn bản. Hiện nay đang tồn tại hai quan niệm khác nhau về liên kết trong văn bản. Quan niệm thứ nhất xem xét liên kết văn bản không phân biệt mặt cấu trúc với mặt hệ thống. Liên kết được khai thác ở các phương diện hình thức và ý nghĩa. Quan niệm này được Trần Ngọc Thêm trình bày một cách cụ thể trong cuốn *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt* (1985). Quan niệm thứ hai bắt đầu từ giữa những năm 70, những người chủ trương theo quan niệm này là hai nhà ngôn ngữ học tên tuổi của Anh là M.A.K Halliday và R.Hasan, họ chỉ tính đến các phương tiện hình thức tạo liên kết, cái gọi là “liên kết nội dung” không được đặt ra thành đối tượng xem xét trực tiếp và một phần đáng kể của nó được xem xét trong mạch lạc.

Hai quan điểm liên kết tuy khác nhau nhưng đều gặp nhau ở một phần khá cần thiết đối với thực tiễn dạy học tiếng cũng như việc sử dụng tiếng ở Việt Nam ta. Chỗ hai quan niệm gặp nhau chủ yếu là các phương tiện liên kết cụ thể được xem xét.

Xuất phát từ thực tế hệ thống liên kết của M.A.K. Halliday và R.Hasan chưa được phổ cập ở Việt Nam, nên trong bài báo này chúng tôi chọn phương thức liên kết từ vựng

(một trong năm phương thức liên kết trong hệ thống liên kết của Halliday và Hasan - phép quy chiếu, phép thế, phép tỉnh lược, phép nối, phép liên kết từ vựng) làm đối tượng nghiên cứu xử lý trong văn bản “*Thư gửi cho học sinh*” của Hồ Chí Minh.

Đây là bức thư của Bác Hồ gửi các em học sinh cả nước nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 9 năm 1945. Bức thư này đã được trích và đưa vào chương trình Tập đọc lớp 5 ở cấp Tiểu học.

2. Nội dung nghiên cứu

Phương thức liên kết từ vựng được hiểu là việc sử dụng các yếu tố từ vựng tính, tức là các thực từ mang nghĩa biểu hiện trong câu, vào nhiệm vụ liên kết (không tính đến các từ ngữ pháp tính như quan hệ từ). Phương thức liên kết từ vựng bao gồm ba phương thức nhỏ là:

- Lặp từ ngữ
- Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa và trái nghĩa
- Phối hợp từ ngữ

Trong văn bản “*Thư gửi cho học sinh*” của Hồ Chí Minh, phương thức liên kết từ vựng có tần số xuất hiện rất cao. Chúng tôi sẽ lần lượt thống kê từng dạng nhỏ của phương thức liên kết từ vựng và ở mỗi dạng sẽ có những ví dụ cụ thể chứng minh.

1. Phương thức lặp từ ngữ

Lặp từ ngữ là sử dụng trong câu đi sau từ ngữ đã được dùng ở câu đi trước theo

kiểu lặp y nguyên như vốn có, trên cơ sở đó liên kết những câu chứa chúng với nhau.

Việc khảo sát văn bản “*Thư gửi cho học sinh*” của Hồ Chí Minh cho thấy tần số sử dụng của phương thức lặp từ ngữ rất cao (10 lần) và có nhiều dạng thức rất phong phú. Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày 2 dạng lặp chủ yếu được phân loại theo tiêu chí: đồng chiếu - không đồng chiếu trong văn bản này.

1.1. Lặp đồng chiếu

Đây là trường hợp những từ (vốn có trước) và những từ ngữ lặp (xuất hiện sau) là đồng nhất trong quy chiếu, tức là cùng chỉ một vật, một việc, một hiện tượng. Lặp đồng chiếu gồm hai kiểu nhỏ: lặp đồng chiếu chỉ loại và lặp đồng chiếu chỉ cá thể.

a. Lặp đồng chiếu chỉ loại

Lặp đồng chiếu chỉ loại là từ (vốn có trước) và những từ ngữ lặp (xuất hiện sau) là những từ chỉ loại. Chúng tôi thống kê được có tất cả 6 trường hợp lặp đồng chiếu chỉ loại.

Ví dụ 1: *Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao nhiêu đồng bào các em. Vậy các em nghĩ sao? Các em phải làm thế nào để đền bù lại công lao của người khác đã không tiếc thân và tiếc của để chiếm lại nền độc lập cho nước nhà* (6,37).

Đối tượng được nói đến trong ba câu văn trên là *các em* (tức các em học sinh) với tư cách là từ chỉ loại. Qua thống kê, chúng tôi thấy có tất cả 25 lần tổ hợp *các em* được lặp lại trong bức thư.

b. Lặp đồng chiếu chỉ cá thể

Lặp đồng chiếu chỉ cá thể là từ (vốn có trước) và những từ ngữ lặp (xuất hiện sau) là những từ chỉ cá thể. Trong văn bản có 3 lần sử dụng.

Ví dụ 2: *Tôi đã thành thực khuyên nhủ các em. Mong rằng những lời của tôi được các em luôn ghi nhớ.*

Ngày hôm nay, nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp (6, 38).

1.2. Lặp không đồng chiếu

Đây là trường hợp những từ (vốn có trước) và những từ ngữ lặp (xuất hiện sau) là không đồng nhất trong quy chiếu, tức là không cùng chỉ một vật, một việc, một hiện tượng. Trong “*Thư gửi cho học sinh*”, chúng tôi chỉ thấy duy nhất 1 trường hợp.

Ví dụ 3: *Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này giờ đi các em được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam. (...) Ngày nay các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em* (6, 37).

Ngoài lặp tổ hợp *các em*, một nền giáo dục, là lặp đồng nhất trong quy chiếu, ở hai câu văn trên còn có lặp từ *Việt Nam* không đồng nhất trong quy chiếu. *Việt Nam* ở câu đi trước là một tính từ, chỉ tính chất của nền giáo dục, còn *Việt Nam* ở câu đi sau là một danh từ chỉ tên riêng của một nước. Mặc dù không cùng từ loại, không đồng nhất trong quy chiếu, nhưng việc lặp lại này vẫn có tác dụng liên kết chặt chẽ hai câu văn với nhau.

2. Phương thức dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa và trái nghĩa

Trong “*Thư gửi cho học sinh*” không có trường hợp nào dùng từ gần nghĩa như một phương thức để liên kết, cho nên chúng tôi chỉ tập trung vào hai dạng dùng từ đồng nghĩa và dùng từ trái nghĩa.

2.1. Dùng từ đồng nghĩa

Ở cả hai trường hợp có thể có những từ đồng nghĩa và cụm từ đồng nghĩa. Ở “*Thư gửi cho học sinh*” có 9 trường hợp liên kết bằng từ đồng nghĩa, trong đó có 8 trường hợp dùng từ đồng nghĩa trực tiếp và 1 trường hợp dùng từ đồng nghĩa gián tiếp.

a. Dùng từ đồng nghĩa trực tiếp

Hiện tượng đồng nghĩa là hiện tượng có nhiều mức độ, có đồng nghĩa tuyệt đối và đồng nghĩa tương đối.

*** Dùng từ đồng nghĩa tuyệt đối**

Từ đồng nghĩa tuyệt đối là những từ đồng nhất về nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm, nghĩa biểu thái, có thể thay thế được cho nhau, chỉ khác nhau ở phạm vi sử dụng. Chúng tôi thống kê được trong bức thư có 3 trường hợp.

Ví dụ 4: *Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên ta đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều* (6, 37).

Xây dựng và kiến thiết trong hai câu trên là các từ đồng nghĩa gần như tuyệt đối, có thể thay thế được cho nhau vì nghĩa của chúng giống nhau hoàn toàn (làm nên một công trình kiến trúc, hình thành một tổ chức hay một chế độ chính trị, xã hội, kinh tế). Hai từ đồng nghĩa được dùng ở đây ngoài chức năng liên kết hai câu còn là một biện pháp tránh lặp từ vựng có hiệu quả; nó thể hiện sự đa dạng và phong phú trong việc sử dụng từ ngữ của Hồ Chí Minh.

*** Dùng từ đồng nghĩa tương đối**

Từ đồng nghĩa tương đối là những từ có một số nét nghĩa trùng nhau, nhưng có một số nét nghĩa khác nhau. Có 5 trường hợp sử dụng từ đồng nghĩa tương đối.

Ví dụ 5: *Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên ta đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. (...) Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp được hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em* (6, 37).

Trong các câu văn trên có hai cặp từ đồng nghĩa là: *nước nhà* - *non sông*, *hoàn cầu* - *năm châu*. Các từ này khác nhau chủ yếu về nghĩa biểu thái: *nước nhà* và *non sông* đều chỉ đất nước, nhưng *nước nhà* là gọi đất nước của mình một cách thân thiết, bình dị, từ *nước nhà* dùng ở câu thứ nhất phù hợp với các từ: *80 năm giờ nô lệ*, *bị yếu hèn*. Còn từ *non sông* ở câu sau là cách gọi đất nước với sắc thái ý nghĩa trang trọng, phù hợp với các từ: *tươi đẹp*, *đài vinh quang*, *sánh vai với các cường quốc năm châu*. Không thể đảo vị trí của hai từ này ở hai câu văn trên, không nói: *non sông bị yếu hèn*, *nước nhà có trở nên tươi đẹp hay không*. *Hoàn cầu* và *năm châu* đều chỉ toàn thế giới, nhưng từ *hoàn cầu* có sắc thái ý nghĩa trang trọng hơn; hơn nữa, có thể nói *cường quốc năm châu*, nhưng không nói *cường quốc hoàn cầu* vì *hoàn cầu* phải kết hợp với các từ ngữ khác thông qua từ *trên*.

b. Dùng từ đồng nghĩa gián tiếp

Đó là việc sử dụng những từ đồng nghĩa miêu tả, những từ ngữ thượng danh, những từ ngữ khái quát và dạng phủ định của từ ngữ trái nghĩa. Trong “*Thư gửi cho học sinh*” chỉ có một lần sử dụng từ đồng nghĩa miêu tả, không có ba dạng kia.

Dùng từ đồng nghĩa miêu tả là phương thức liên kết có ít nhất một trong hai yếu tố liên kết là cụm từ miêu tả một thuộc tính điển hình nào đó đủ để đại diện cho đối tượng mà nó biểu thị.

Ví dụ 6: *Đối riêng với các em lớn, tôi khuyên thêm một điều này: chúng ta đã đánh đuổi bọn thực dân, chúng ta đã giành lại được độc lập. Nhưng **giặc Pháp** còn lăm le quay lại. (...) Phải sẵn sàng mà chống **quân giặc cướp nước**, đây là bốn phận của mỗi công dân* (6, 37).

Trong ví dụ trên các phát ngôn được liên kết với nhau bởi các tổ hợp đồng nghĩa: *bọn thực dân* - *giặc Pháp* - *quân giặc cướp nước*. *Bọn thực dân* là chỉ những người ở nước tư

bản, thuộc tầng lớp bóc lột, thống trị ở nước thuộc địa. *Giặc Pháp* chính là *bọn thực dân* và *quân giặc cướp nước* là tổ hợp có tính chất miêu tả cụ thể hơn về hành động dã man của bọn thực dân Pháp. Ngoài tác dụng liên kết các câu, việc sử dụng từ đồng nghĩa ở đây còn có tác dụng cung cấp thông tin phụ, đồng thời khơi dậy lòng căm thù sâu sắc quân giặc cướp nước ở các em học sinh.

2.2. Dùng từ trái nghĩa

Qua thống kê, chúng tôi thấy trong “*Thư gửi cho học sinh*” có 2 trường hợp sử dụng từ trái nghĩa để liên kết các câu và đều là các trường hợp dùng từ trái nghĩa trực tiếp, không có trường hợp dùng từ trái nghĩa gián tiếp (tức là những từ vốn không có quan hệ nghịch đối nhưng do tình huống sử dụng vẫn tạo ra ý nghĩa đối nghịch). Ví dụ sau đây là dùng từ trái nghĩa trực tiếp để liên kết các câu:

Ví dụ 7: *Trước đây* cha anh các em và mới năm ngoái cả các em nữa, đã phải chịu nhận một nền học vấn nô lệ, nghĩa là nó chỉ đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho bọn thực dân người Pháp. *Ngày nay* các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước **độc lập**, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em (6, 37).

Ở hai phát ngôn trên, ngoài dùng phương thức lặp từ ngữ: *các em*, phương thức dùng từ đồng nghĩa: *nền học vấn - nền giáo dục, chịu nhận - hấp thụ*, Hồ Chí Minh đã sử dụng hai cặp từ trái nghĩa để liên kết các câu văn. Đó là cặp từ: *trước đây* > < *ngày nay* và *nô lệ* > < *độc lập*. Ngoài tác dụng liên kết, việc sử dụng những cặp từ trái nghĩa ở đây còn nhấn mạnh sự đối lập về tính chất của hai nền giáo dục. Qua đó, Hồ Chí Minh muốn giúp các em học sinh nhận thức được sự may mắn của các em khi được hấp thụ

một nền giáo dục của một nước độc lập. Các cặp từ trái nghĩa ở đây còn có giá trị tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho các câu văn.

3. Phương thức phối hợp từ ngữ

Phối hợp từ ngữ là trường hợp liên kết được thực hiện thông qua các yếu tố từ ngữ thường đồng xuất hiện. Đó là khả năng liên kết giữa một đôi yếu tố từ ngữ nào đó, mà bằng cách này hay cách khác phối hợp được với nhau trong ngôn ngữ.

Qua thống kê trong văn bản “*Thư gửi cho học sinh*” chúng tôi thấy chỉ có hai kiểu quan hệ: quan hệ về đặc trưng và quan hệ nhân - quả.

3.1. Dùng những từ ngữ có quan hệ về đặc trưng

Liên kết phối hợp từ ngữ theo quan hệ đặc trưng là việc dùng từ ngữ nêu sự vật, hiện tượng, hoạt động... ở câu này và nêu đặc trưng của sự vật, hiện tượng, hoạt động... ở câu khác.

Trong “*Thư gửi cho học sinh*” có ba trường hợp sử dụng phương thức phối hợp từ ngữ theo quan hệ đặc trưng.

Ví dụ 8: *Tôi đã tưởng tượng thấy trước mắt cái cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày trụ trường ở khắp các nơi. Các em hết thấy đều **vui vẻ** vì sau mấy tháng giời nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyến biển khác thường, các em lại được **gặp thầy gặp bạn** (6, 36, 37).*

Tâm trạng vui vẻ, được gặp thầy, gặp bạn là dấu hiệu đặc trưng của các em học sinh trong ngày *trụ trường*. Nhờ quan hệ sự việc - đặc trưng của sự việc mà các câu trong ví dụ trên liên kết chặt chẽ với nhau.

3.2. Dùng những từ ngữ có quan hệ nhân - quả

Quan hệ nhân - quả là kiểu quan hệ giữa các yếu tố ngôn ngữ, trong đó có một yếu tố nêu nguyên nhân, những yếu tố kia chỉ kết quả có từ nguyên nhân đó. Yếu tố nêu nguyên nhân xuất hiện ở câu trước, những yếu tố chỉ kết quả nằm ở những câu đi sau.

Nhờ những quan hệ nhân - quả này mà các yếu tố ngôn ngữ phối hợp được chặt chẽ với nhau như một logic tất yếu tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.

Quan hệ nhân - quả trong phương thức phối hợp từ ngữ là trường hợp không sử dụng các phương tiện chỉ nguyên nhân thuộc phương thức nối (như: vì, bởi vậy, cho nên...).

Trong văn bản: “*Thư gửi cho học sinh*” có hai trường hợp.

Ví dụ 9: *Đối riêng với các em lớn, tôi khuyên thêm một điều này: chúng ta đã đánh đuổi bọn thực dân, chúng ta đã giành được độc lập. Nhưng giặc Pháp còn lăm le quay lại. Chúng ý vào kẻ khác mạnh hơn mà gây sự với ta. (...) Phải sẵn sàng mà chống quân giặc cướp nước, đây là bổn phận của mỗi công dân* (6, 37).

Trong ví dụ trên, các phát ngôn được liên kết với nhau nhờ sự phối hợp các từ ngữ có quan hệ nguyên nhân - kết quả với nhau. Ở đây, nguyên nhân là sự kiện dẫn đến kết quả, vì giặc Pháp còn lăm le quay lại, còn gây sự với ta cho nên chúng ta phải sẵn sàng mà chống quân giặc cướp nước.

3. Kết luận

Dựa trên cách hiểu về liên kết của M.A.K. Halliday và R.Hasan, bài báo của chúng tôi đã đi vào nghiên cứu phương thức liên kết từ vựng - một phương thức được sử dụng phổ biến trong các văn bản - với phạm vi khảo sát là văn bản “*Thư gửi cho học sinh*” của Hồ Chí Minh nhân ngày khai giảng đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tháng 9 năm 1945.

Qua khảo sát và thống kê, chúng ta thấy được sự đa dạng về kiểu loại của phương thức liên kết từ vựng trong bức thư này.

Đồng thời, phương thức liên kết từ vựng có vai trò rất quan trọng trong việc liên kết các

câu, các đoạn của bức thư. Không những thế, phương thức này còn có tác dụng khác không kém phần quan trọng, đó là đem lại cho văn bản tính chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, thể hiện dụng ý nghệ thuật của tác giả (lập từ ngữ); góp phần tô đậm chủ đề chung, tăng cường tính biểu cảm cho các phát ngôn và là một biện pháp hữu hiệu tránh cách lập từ vựng không đúng chỗ (dùng từ đồng nghĩa); cung cấp thông tin phụ đánh giá về đối tượng được biểu thị (dùng từ đồng nghĩa miêu tả); tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho câu văn (dùng từ trái nghĩa)... Tất cả các tác dụng trên phối hợp, đan xen, hòa quyện với nhau trong một văn bản, góp phần thể hiện tính biểu cảm và giá trị thẩm mỹ của bức thư, khiến nội dung bức thư vừa là lời tâm tình, trò chuyện của một người anh, lại vừa có giá trị khuyên nhủ, động viên, khích lệ các em học sinh hãy cố gắng học tập thật tốt để xây dựng đất nước Việt Nam ngày một giàu mạnh.

Tài liệu tham khảo

1. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb GD.
2. Diệp Quang Ban (2003), *Giao tiếp, văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn*, Nxb KHXH.
3. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, Nxb GD.
4. Diệp Quang Ban (1999), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb GD.
5. Đỗ Hữu Châu (1997), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (1990), *Về vấn đề Giáo dục*, Nxb GD.
7. Sách giáo khoa, Sách giáo viên *Tiếng Việt* lớp 5, tập 1, 2006, Nxb GD.
8. Trần Ngọc Thêm (1999), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb KHXH.
9. Trần Ngọc Thêm (1981), *Một cách hiểu về tính liên kết văn bản*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 22-05-2011)